TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 08 năm 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bạo

Bà Trần Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2026 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1042/2026/QĐXX-ST ngày 27 tháng 07 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1033/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1994; số CCCD: 049194007741 cấp ngày 09/08/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH; Địa chỉ: Khối phố N, phường Đ, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1992; số CCCD: 048092004206; Địa chỉ: Số A đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tuấn A kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường C, quận T), thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 124 đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng nhưng không hạnh phúc do tính tình quan điểm sống quá khác biệt, không

hòa hợp. Ông Tuấn A nhiều lần vay nợ, phá tán tài sản gia đình, bà H nhiều lần phải bán tài sản được cha mẹ cho riêng để trả nợ cho chồng nhưng ông Tuấn A vẫn không thay đổi. Đến năm 2020 khi bà Hiếu sinh cháu thứ hai thì kinh tế càng khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hành phúc. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên bà H đã bồng con về lại nhà cha mẹ ruột tại Khối phố N, phường Đ, thành phố Đà Nẵng sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc cho nhau nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Tuấn A.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà và ông Lê Tuấn A có 02 (hai) con chung Lê Minh Q, sinh ngày 15/11/2015 và Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 06/11/2020. Ly hôn, bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có.

* Bị đơn là ông Lê Tuấn A không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là ông Lê Tuấn A vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Lê Tuấn A.

- *Về con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, giao các con chung Lê Minh Q, sinh ngày 15/11/2015 và Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 06/11/2020 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tung*:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện "ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" đối với bị đơn là ông Lê Tuấn A có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Lê Tuấn A vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tuấn A có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường C, quận T), thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn giữa bà H và ông Tuấn A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Tuấn A là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H cho rằng trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp nhau, ông Tuấn A nhiều lần vay nợ, phá tán tài sản gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tại phiên tòa, bà H khẳng định đã hết tình cảm với ông Lê Tuấn A nên mong muốn được ly hôn.

Xét qua xác minh, địa phương nơi ông Lê Tuấn A cư trú xác nhận tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng bà H và ông Tuấn A đúng như bà H trình bày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Lê Tuấn A đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Điều này thể hiện thái độ thiếu thiện chí trong việc hàn gắn hôn nhân, vợ chồng không còn tình nghĩa. Do tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông Tuấn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 26/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H xác nhận có 02 (hai) con chung Lê Minh Q, sinh ngày 15/11/2015 và Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 06/11/2020. Ông Lê Tuấn A không có ý kiến phản

đối nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận việc bà H và ông Tuấn A có con chung là sự thật.

Ly hôn, bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Tuấn A không trình bày ý kiến về vấn đề con chung. Từ khi bà H và ông Tuấn A mâu thuẫn cho đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cháu Thiên K còn nhỏ, dưới 7 tuổi, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, việc giao con chung Lê Minh Q, sinh ngày 15/11/2015 và Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 06/11/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu được nuôi con chung của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Tuấn A không có ý kiến gì đối với các vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà H, ông Tuấn A có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 26/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

- *Về con chung:* Giao các con chung Lê Minh Q, sinh ngày 15/11/2015 và Lê Nguyễn Thiên K, sinh ngày 06/11/2020 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Nguyễn Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004605 ngày 06/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. *(Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).*

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn ông Lê Tuấn A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê,
(cũ là phường Chính Gián, quận Thanh Khê),
TP Đà Nẵng;
(Giấy CNKH số 151/2015
Quyển số 01/2015 ngày 31/10/2015)
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy